

Bản tin Phân tích kỹ thuật

21/01/2026



Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HĐTL chỉ số VN30



Nhận định:

- 4111G2000 thu hẹp hoàn toàn đà giảm trong ngày nhờ hoạt động mua quanh khu vực 2.055 điểm. (M15)
- Dự báo hợp đồng này sẽ có nhịp tăng về vùng 2.100 điểm nếu xuất hiện tín hiệu vượt kháng cự MA50 (2.082 điểm). Khuyến nghị mở vị thế mua khi vượt và dừng lỗ khi có giá đóng cửa dưới ngưỡng 2.075 điểm.

Chiến lược:

- Mua khi vượt (BS) 2.082 điểm
- Mục tiêu (TP): 2.100 điểm
- Dừng lỗ (SL): 2.075 điểm

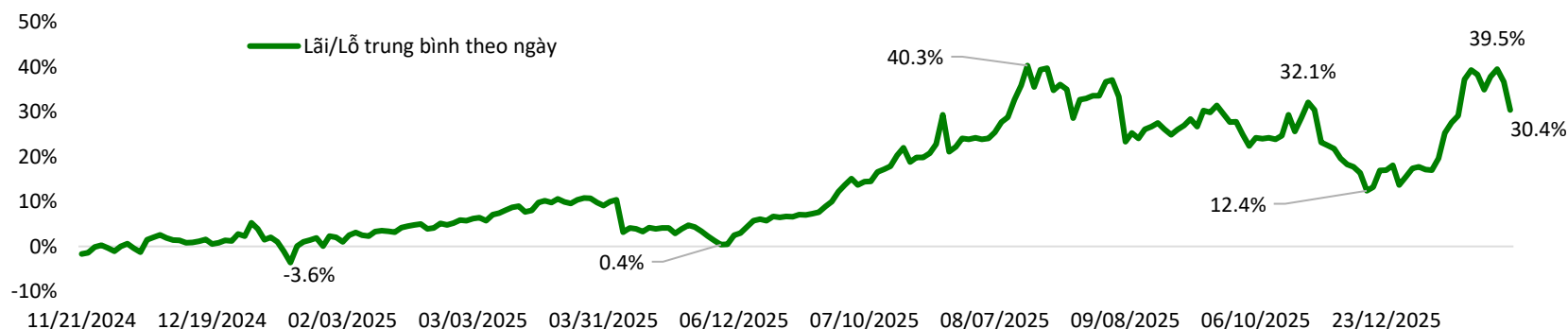
Quan điểm kỹ thuật



- Hoạt động mua vùng thấp giúp VN-Index đóng cửa trên mốc 1.885 điểm – vùng hỗ trợ ngày cho thấy đà giảm trong phiên chưa cao. Tuy nhiên, lực cầu vùng thấp chỉ tác động trên một vài cổ phiếu dẫn dắt, không xuất hiện diện rộng bởi chỉ số VNMidcap và VNSmallcap chịu biên độ giảm cao. Trong ngắn hạn, các phiên gần đây chưa làm xấu mức tín hiệu kỹ thuật Tích cực đang có trên tất cả các rổ chỉ số.
- Hoạt động bán trong ngày gia tăng và dàn trải ở nhóm Chứng khoán, Công nghiệp và Bất động sản. Về lực cầu, hoạt động mua xuất hiện trên nhiều mã Dầu khí và Vật liệu nhưng chỉ tập trung trên một vài cổ phiếu ở các nhóm ngành khác.
- Mặc dù hoạt động mua giá thấp xuất hiện nhưng thiếu sự phân tán diện rộng trên các nhóm ngành chủ đạo (Ngân hàng). Do đó, VN-Index sẽ duy trì dao động trong biên độ 1.885-1.920 điểm trong phiên 22/01. Trong thời gian tới, nếu chỉ số đóng cửa vi phạm cận dưới 1.885 điểm, một nhịp điều chỉnh giảm sẽ xuất hiện với mục tiêu là khu vực 1.830-1.845 điểm. Ngược lại, kịch bản khả quan với xác suất cao hơn, chỉ số sẽ vượt ngưỡng 1.920 điểm và tiến đến khu vực 1.950-2.000 điểm.

Bảng theo dõi những vị thế đang mở

BẢNG THEO DÕI NHỮNG VỊ THẾ ĐANG MỞ										
Mã	Ngày mở	Ngày đóng	Trạng thái	Giá hiện tại	Giá mở	Lãi/Lỗ hiện tại	Ngưỡng dừng lỗ	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ mới	Giá mục tiêu mới
TCB	19/12/2025		Đang mở	35,800	33,100	8.2%	32,000	36,200	34,700	38,900
MSN	31/12/2025		Đang mở	79,900	76,500	4.4%	74,000	82,000	77,500	
MBB	09/01/2025		Đang mở	27,000	26,700	1.1%	25,500	29,500		
SSI	09/01/2025		Đang mở	31,700	30,300	4.6%	29,200	34,500	30,500	37,600
VND	09/01/2025	21/01/2025	Đóng hòa vốn	19,300	19,300	0.0%	18,300	23,000	19,300	
DGW	14/01/2025		Đang mở	45,850	43,450	5.5%	40,500	50,000	45,000	
HPG	16/01/2025	21/01/2025	Dừng lỗ	26,800	27,300	-1.8%	26,800	30,800		
GEX	16/01/2025	21/01/2025	Dừng lỗ	39,200	41,500	-5.5%	39,500	52,000		



Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
GAS	110,000	5.26%	2.80%	265,424	3.558	5,014	4.1	21.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
STB	62,100	6.88%	14.79%	117,072	2.053	6,519	1.9	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BSR	22,200	6.99%	3.74%	111,162	1.978	413	1.9	53.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VNM	70,300	-4.22%	3.84%	146,924	-1.580	4,160	4.3	16.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VCB	72,800	-0.95%	-4.21%	608,293	-1.475	4,202	2.7	17.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VPB	29,050	-2.35%	-1.53%	230,480	-1.381	3,024	1.4	9.6	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Trung tính
GEE	201,300	-6.81%	-3.68%	73,676	-1.277	9,095	9.9	22.1	Trung tính	Trung tính	Tích cực	Tích cực
CTG	40,200	1.39%	-3.02%	312,231	1.103	4,292	1.9	9.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VIC	160,500	-0.31%	0.19%	1,236,818	-0.978	1,147	8.5	139.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
BCM	76,300	-4.63%	3.95%	78,971	-0.930	3,576	3.7	21.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HPG	26,800	-1.65%	-1.65%	205,702	-0.865	1,876	1.6	14.3	Trung tính	Trung tính	Tích cực	Tích cực
MBB	27,000	-1.46%	-0.55%	217,485	-0.809	3,017	1.7	9.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MCH	159,800	-1.24%	-4.88%	206,855	-0.651	6,160	12.9	25.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
HVN	28,350	-2.58%	-4.38%	88,211	-0.579	3,765	15.8	7.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
SSI	31,700	-2.76%	-4.95%	78,968	-0.555	1,835	2.5	17.3	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
KSV	159,000	-5.86%	5.72%	31,800	-0.692	9,526	6.9	16.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
PVS	41,400	7.81%	2.73%	21,173	0.614	2,841	1.5	14.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
IDC	46,800	5.17%	17.00%	17,761	0.341	4,849	2.7	9.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SHS	19,100	-3.54%	-8.17%	17,180	-0.225	1,501	1.4	12.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
BAB	13,100	-4.38%	3.15%	13,142	-0.214	1,055	1.0	12.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MBS	26,300	-2.95%	-5.40%	17,324	-0.190	1,887	2.2	13.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
NTP	63,900	-3.77%	-13.53%	10,929	-0.153	5,885	2.7	10.9	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NVB	13,200	-1.49%	-5.71%	25,405	-0.141	-3,470	3.8	-3.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KSF	65,300	-0.61%	-0.46%	58,756	-0.133	4,851	4.9	13.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVI	101,300	1.30%	8.92%	23,729	0.114	5,080	2.7	19.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VGI	136,300	-1.80%	13.68%	402,949	-0.287	3,046	10.6	43.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ACV	59,800	-2.61%	-2.13%	213,202	-0.220	2,971	3.2	20.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MVN	68,900	-4.97%	7.32%	82,093	-0.161	1,438	6.0	47.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
F88	162,700	14.98%	37.47%	17,917	0.106	3,195	10.4	50.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
FOX	102,500	3.22%	51.85%	74,495	0.095	4,405	7.2	22.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VEA	37,400	-2.35%	4.47%	49,620	-0.046	5,767	1.6	6.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VEF	116,000	-5.46%	-8.66%	19,646	-0.042	96,612	2.9	1.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
RGG	34,400	-14.85%	-14.00%	6,880	-0.040	835	3.0	41.2	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SIG	18,000	-11.33%	-8.16%	8,445	-0.038	1,954	1.1	9.6	Tiêu cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SAS	39,700	14.41%	20.30%	5,243	0.030	3,476	3.1	11.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

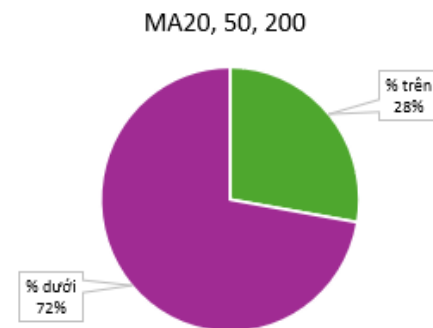
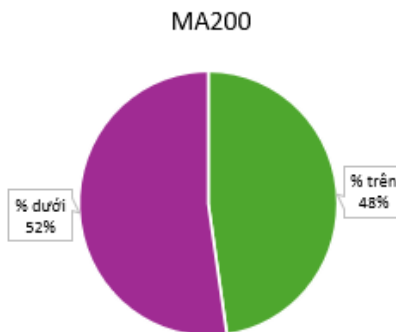
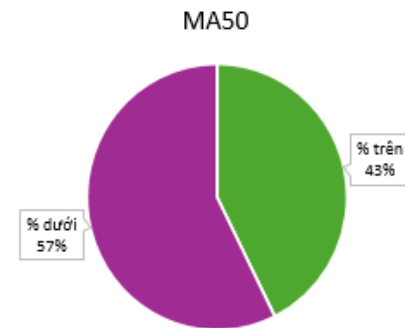
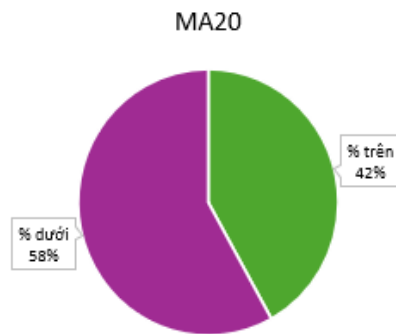
Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

VƯỢT ĐỈNH 52 TUẦN													
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3	
GAS	110,000	5.3%	482.0	257.4	47,818	107,000	4.1	21.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	
STB	62,100	6.9%	1581.8	847.2	33,100	61,000	1.9	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	
BSR	22,200	7.0%	868.6	365.1	9,009	21,400	1.9	53.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	
PLX	59,100	0.2%	723.7	284.3	29,947	59,000	2.9	28.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	
FOX	102,500	3.2%	186.9	35.8	48,372	99,300	7.2	22.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	
BVH	73,900	1.2%	93.7	70.9	38,365	73,700	2.2	20.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	
POW	14,650	2.4%	258.8	187.8	8,207	14,600	1.3	21.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	
PVS	41,400	7.8%	550.0	279.5	20,000	40,300	1.5	14.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	
F88	162,700	15.0%	19.1	8.0	68,349	141,500	10.4	50.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	
IDC	46,800	5.2%	417.6	98.2	28,700	46,386	2.7	9.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	
OIL	15,200	2.0%	171.7	57.2	8,527	15,000	1.5	38.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	
NT2	26,100	0.8%	60.5	35.6	15,727	25,950	1.6	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	
TOS	165,500	4.6%	15.7	7.9	51,045	160,000	4.0	7.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	
DCL	50,000	2.0%	33.4	28.2	19,850	49,000	2.4	105.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	
PLC	35,900	9.8%	147.4	13.4	18,545	32,700	2.2	24.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	
LIX	40,500	2.8%	7.8	2.4	24,978	39,400	2.5	13.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	
PVC	14,800	6.5%	54.0	29.7	7,400	14,700	1.3	60.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	
HHP	12,900	2.8%	31.8	11.7	8,140	12,800	1.2	26.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	
HTI	27,500	0.4%	5.5	1.1	15,085	27,400	1.1	4.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	

Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

KLGD ĐỘT BIẾN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
TIN	58,000	2.1%	9.9	1.0	12,000	59,500	2.7	5.1	Tích cực	Tích cực	Tiêu cực	Tích cực
SAS	39,700	14.4%	32.8	1.5	29,587	48,407	3.1	11.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ICT	18,300	-2.7%	9.6	1.7	10,488	25,600	0.9	18.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tích cực
RYG	10,250	-2.4%	33.7	4.1	9,900	14,300	0.6	14.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
DLG	3,320	0.0%	71.0	8.0	1,790	3,720	1.4	4.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BWE	46,500	-1.1%	31.4	8.8	39,600	52,800	1.8	11.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PLC	35,900	9.8%	147.4	13.4	18,545	32,700	2.2	24.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			21/01/2026	20/01/2026	19/1/2026	16/01/2026	15/01/2026	14/01/2026	13/01/2026	12/01/2026	09/01/2026	08/01/2026
VNINDEX	MA200	Trên	53%	54%	55%	53%	52%	50%	49%	47%	43%	45%
		Dưới	47%	46%	45%	47%	48%	50%	51%	53%	57%	55%
	MA50	Trên	50%	54%	57%	54%	53%	51%	51%	45%	38%	40%
		Dưới	50%	46%	43%	46%	47%	49%	49%	55%	62%	60%
	MA20	Trên	51%	56%	59%	58%	59%	56%	56%	51%	41%	47%
		Dưới	49%	44%	41%	42%	41%	44%	44%	49%	59%	53%
VN30	MA200	Trên	90%	90%	93%	93%	90%	93%	90%	93%	87%	87%
		Dưới	10%	10%	7%	7%	10%	7%	10%	7%	13%	13%
	MA50	Trên	73%	83%	83%	83%	87%	83%	90%	87%	70%	80%
		Dưới	27%	17%	17%	17%	13%	17%	10%	13%	30%	20%
	MA20	Trên	67%	80%	83%	83%	80%	77%	90%	83%	70%	87%
		Dưới	33%	20%	17%	17%	20%	23%	10%	17%	30%	13%
HNX	MA200	Trên	47%	49%	49%	49%	46%	47%	46%	46%	42%	43%
		Dưới	53%	51%	51%	51%	54%	53%	54%	54%	58%	57%
	MA50	Trên	46%	48%	50%	49%	46%	45%	43%	42%	35%	36%
		Dưới	54%	52%	50%	51%	54%	55%	57%	58%	65%	64%
	MA20	Trên	47%	49%	49%	49%	46%	47%	46%	46%	42%	43%
		Dưới	53%	51%	51%	51%	54%	53%	54%	54%	58%	57%
UPCOM	MA200	Trên	36%	37%	39%	39%	35%	35%	35%	36%	34%	33%
		Dưới	64%	63%	61%	61%	65%	65%	65%	64%	66%	67%
	MA50	Trên	39%	39%	40%	40%	39%	38%	36%	37%	36%	36%
		Dưới	61%	61%	60%	60%	61%	62%	64%	63%	64%	64%
	MA20	Trên	46%	46%	46%	46%	44%	44%	43%	44%	43%	43%
		Dưới	54%	54%	54%	54%	56%	56%	57%	56%	57%	57%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành	18	Tháng 1															Tháng 12				
		21 ↓	20	19	16	15	14	13	12	09	08	07	06	05	31	30	29	26	25	24	23
↗ 1	Dầu khí	90	90	91	91	91	92	90	89	90	89	87	85	80	80	81	76	72	71	72	69
2	Viễn thông	86	91	92	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
↗ 3	Bảo hiểm	84	83	84	84	77	73	71	68	64	65	64	53	55	59	62	59	49	47	49	52
↗ 4	Bán lẻ	82	83	84	77	74	74	72	66	62	67	67	65	65	67	66	63	63	58	56	58
↗ 5	Công nghệ Thông tin	75	75	85	81	73	69	66	67	63	61	53	50	52	55	53	49	47	49	51	51
↗ 6	Hàng cá nhân & Gia ...	74	83	83	81	81	76	72	70	61	54	49	43	41	41	43	43	45	46	48	48
↗ 7	Hàng & Dịch vụ Côn...	73	72	69	70	66	62	60	49	44	45	44	36	37	42	42	40	38	42	42	42
↗ 8	Điện, nước & xăng d...	72	72	74	71	70	72	68	64	65	67	67	66	67	67	65	60	57	55	55	53
9	Hóa chất	69	71	71	71	71	66	64	61	56	54	51	41	39	42	39	34	36	36	39	39
10	Y tế	69	74	-	-	-	-	-	-	65	64	52	53	67	55	54	66	58	59	61	62
↗ 11	Thực phẩm và đồ uố...	66	66	65	65	64	61	58	46	48	50	49	48	50	54	52	53	51	51	52	53
! 12	Ngân hàng	65	69	68	66	68	70	70	62	59	59	54	42	40	48	46	44	48	48	50	48
13	Tài nguyên Cơ bản	60	61	61	63	58	54	54	46	50	47	45	40	39	40	42	40	41	41	45	45
14	Du lịch và Giải trí	56	57	60	64	65	63	62	58	51	49	48	45	46	44	45	46	47	50	51	52
! 15	Ô tô và phụ tùng	50	56	57	55	52	48	42	34	32	34	35	32	31	33	30	31	31	30	31	30
! 16	Xây dựng và Vật liệu	47	52	53	49	48	48	45	40	38	40	37	34	35	38	36	36	38	41	46	48
! 17	Dịch vụ tài chính	44	52	54	55	53	53	53	38	29	30	26	21	24	32	34	35	33	32	33	35
18	Bất động sản	37	34	32	31	31	32	31	29	34	36	35	34	33	34	34	32	33	36	38	37

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VCB	72,800	-1.0%	-4.2%	608,293	2.7	17.3	4,202	808.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VGI	136,300	-1.8%	13.7%	402,949	10.6	43.5	3,046	303.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BID	53,000	-0.4%	-2.8%	372,132	2.3	14.0	3,781	624.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GAS	110,000	5.3%	2.8%	265,424	4.1	21.9	5,014	482.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
FPT	105,000	0.9%	5.2%	178,868	5.0	19.9	5,280	1,500.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GVR	38,500	-1.3%	5.9%	154,000	2.7	24.5	1,569	318.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TCX	52,500	1.4%	-0.6%	121,344	2.8	19.4	2,713	131.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
STB	62,100	6.9%	14.8%	117,072	1.9	9.5	6,519	1,581.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BSR	22,200	7.0%	3.7%	111,162	1.9	53.8	413	868.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PLX	59,100	0.2%	21.9%	75,092	2.9	28.3	2,090	723.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
FOX	102,500	3.2%	51.9%	74,495	7.2	22.9	4,405	186.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BVH	73,900	1.2%	7.9%	54,858	2.2	20.7	3,578	93.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
POW	14,650	2.4%	0.3%	44,944	1.3	21.7	675	258.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PNJ	109,900	-1.8%	8.3%	37,492	3.1	15.9	6,908	219.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
KBC	37,000	-1.7%	2.6%	34,845	1.4	19.8	1,872	335.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MSR	29,800	-1.7%	8.0%	32,713	2.7	-76.6	-389	68.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
KSV	159,000	-5.9%	5.7%	31,800	6.9	16.7	9,526	10.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
GMD	70,500	3.4%	11.9%	30,068	2.4	20.2	3,493	375.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
FRT	152,800	0.0%	5.4%	26,022	8.4	42.2	3,620	74.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HAG	17,850	-0.6%	2.9%	22,623	1.8	13.0	1,370	239.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Tích cực

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VEF	116,000	-5.5%	-8.7%	19,646	2.9	1.2	96,612	9.2	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCH	15,100	-2.9%	-5.3%	13,773	1.2	18.9	801	125.6	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CII	17,900	-3.2%	-3.5%	11,196	1.3	223.9	80	297.8	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HHS	11,000	-3.1%	-3.9%	4,752	0.5	1.2	9,417	27.8	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DXS	7,740	-1.9%	-5.6%	4,482	0.7	12.1	639	14.2	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
EVG	7,120	-3.8%	-5.4%	1,533	0.7	48.0	148	6.2	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCK	47,000	-1.9%	1.5%	71,526	2.5	17.1	2,742	110.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GEX	39,200	-4.3%	-5.5%	35,374	2.2	17.0	2,313	495.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KDH	28,700	-2.0%	-1.2%	32,208	1.8	33.5	857	188.4	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VND	19,000	-3.1%	-7.8%	28,924	1.4	14.3	1,328	587.7	Tiêu cực	-7.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
NVL	12,600	-1.2%	-2.3%	28,123	0.7	-6.5	-1,927	65.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SHS	19,100	-3.5%	-8.2%	17,180	1.4	12.7	1,501	443.6	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
DXG	15,200	-1.6%	-4.4%	16,908	1.4	38.4	396	279.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DIG	15,550	-3.1%	-6.9%	12,385	1.6	30.2	514	247.5	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FTS	32,350	-2.7%	-4.9%	11,209	2.5	27.9	1,161	76.4	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
CEO	18,800	0.5%	-1.6%	10,667	1.7	52.3	360	238.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
APS	6,900	-4.2%	-8.0%	573	0.7	-19.3	-357	7.9	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VIB	17,800	-1.4%	-1.9%	60,591	1.3	8.0	2,225	188.8	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
SSB	17,400	-1.7%	-2.8%	49,503	1.2	7.5	2,332	40.2	Tiêu cực	-5.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PDR	17,400	-0.6%	-2.0%	17,362	1.5	82.6	211	226.0	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
DXS	7,740	-1.90%	-5.61%	13,600	75.7%	639	0.7	12.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NLG	29,800	-2.61%	-3.87%	52,100	74.8%	2,169	1.5	13.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DGC	69,000	6.98%	7.98%	118,000	71.0%	8,296	1.7	8.3	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
KDH	28,700	-2.05%	-1.20%	48,500	69.0%	857	1.8	33.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
STK	15,250	-2.87%	-0.65%	25,500	67.2%	178	1.2	85.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
NVL	12,600	-1.18%	-2.33%	20,000	58.7%	(1,927)	0.7	-6.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DXG	15,200	-1.62%	-4.40%	24,000	57.9%	396	1.4	38.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HDG	25,900	-2.08%	-2.26%	37,000	42.9%	938	1.5	27.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GEX	39,200	-4.27%	-5.54%	54,000	37.8%	2,313	2.2	17.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SZC	31,200	-4.15%	-1.42%	42,400	35.9%	1,917	1.8	16.3	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Trung tính
VGC	47,200	-3.18%	-2.88%	64,100	35.8%	3,090	2.3	15.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ACB	24,850	-0.80%	0.81%	33,300	34.0%	3,385	1.4	7.3	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Trung tính
HPG	26,800	-1.65%	-1.65%	35,700	33.2%	1,876	1.6	14.3	Trung tính	Trung tính	Tích cực	Tích cực
DCM	35,500	0.85%	-3.27%	46,600	31.3%	3,578	1.8	9.9	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Tích cực
VPB	29,050	-2.35%	-1.53%	38,000	30.8%	3,024	1.4	9.6	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Trung tính
SSI	31,700	-2.76%	-4.95%	40,800	28.7%	1,835	2.5	17.3	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MSN	79,900	-0.13%	-0.87%	101,200	26.7%	2,196	3.4	36.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ACG	36,250	0.97%	-0.41%	45,800	26.3%	2,973	1.3	12.2	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
TV2	34,750	-1.84%	-1.56%	43,900	26.3%	973	1.8	35.7	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
REE	62,100	-1.11%	-0.32%	78,200	25.9%	4,776	1.7	13.0	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Anthony Le

**Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 525

anthony.le@vietcap.com.vn

Quynh Chau

Managing Director

Brokerage

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn